

Số: /QĐ-UBND

Phú Thọ, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Đề án Cải thiện môi trường đầu tư nâng cao
năng lực cạnh tranh cấp tỉnh giai đoạn 2026 - 2030**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội;

Căn cứ Quyết định số 467/QĐ-UBND ngày 29/7/2025 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc ban hành Chương trình công tác 6 tháng cuối năm năm 2025 của UBND tỉnh;

Căn cứ Kết luận của Chủ tịch UBND tỉnh tại cuộc họp ngày 03/11/2025, nghe Sở Tài chính báo cáo đề cương Đề án Cải thiện môi trường đầu tư nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh giai đoạn 2025 – 2030;

Căn cứ Quyết định số 1635/QĐ-UBND ngày 05/11/2025 của UBND tỉnh phê duyệt đề cương Đề án Cải thiện môi trường đầu tư nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh giai đoạn 2025 - 2030;

Căn cứ Kết luận số 81-KL/TU ngày 18/12/2025 của Thường trực Tỉnh ủy, Kết luận số 82-KL/TU ngày 18/12/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại hội nghị ngày 18/12/2025 về nội dung Đề án cải thiện môi trường đầu tư năng lực cạnh tranh cấp tỉnh giai đoạn 2025 – 2030;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 11/TTr-STC ngày 08/01/2026 đề nghị phê duyệt Đề án cải thiện môi trường đầu tư nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh giai đoạn 2025-2030 tỉnh Phú Thọ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án Cải thiện môi trường đầu tư nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh giai đoạn 2026 – 2030 (chi tiết có Đề án kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan, UBND các phường, xã và đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân trên địa bàn tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Đề án được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, ban, ngành của tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; Thủ trưởng các đơn vị và các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TTTU, TT HĐND tỉnh (để b/c);
- Đảng ủy UBND tỉnh (b/c);
- Bộ Tài chính (để b/c);
- Liên đoàn TM&CNVN (VCCI) (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Các cơ quan Trung ương trên địa bàn;
- Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh Phú Thọ;
- Hội doanh nhân tỉnh Phú Thọ;
- Hội doanh nghiệp trẻ tỉnh Phú Thọ;
- Hội doanh nghiệp đầu tư nước ngoài tỉnh Phú Thọ;
- Trung tâm thông tin - công báo;
- Báo và Phát thanh truyền hình tỉnh Phú Thọ;
- CV: NCTH;
- Lưu: VT, KT11.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trần Duy Đông

ĐỀ ÁN

CẢI THIỆN MÔI TRƯỜNG ĐẦU TƯ NÂNG CAO NĂNG LỰC CẠNH TRANH CẤP TỈNH GIAI ĐOẠN 2026 – 2030

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /01/2026 của UBND tỉnh)

PHẦN MỞ ĐẦU

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN:

Thời gian qua, công tác hoàn thiện thể chế, pháp luật gắn với cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh đã đạt nhiều kết quả tích cực, phù hợp với định hướng phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam. Đảng, Chính phủ và các cơ quan Trung ương luôn quan tâm chỉ đạo, ban hành nhiều nghị quyết, chủ trương và giải pháp nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, thúc đẩy cải cách thể chế, cải cách thủ tục hành chính, phát triển kinh tế tư nhân và các thành phần kinh tế khác, qua đó góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế - xã hội và nâng cao vị thế của Việt Nam trong khu vực và trên trường quốc tế.

Đối với tỉnh Phú Thọ, xác định việc cải thiện môi trường đầu tư nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh là một trong những khâu đột phá của nền kinh tế; trong những năm qua, tỉnh Phú Thọ đã có nhiều cố gắng trong việc tạo môi trường thông thoáng, minh bạch trong đầu tư kinh doanh cho các doanh nghiệp, giúp các doanh nghiệp an tâm sản xuất kinh doanh. Ngay từ những ngày đầu khi tỉnh Phú Thọ được thành lập trên cơ sở sáp nhập 3 tỉnh: Phú Thọ, Vĩnh Phúc và Hòa Bình, các cấp, các ngành đã tập trung hoàn thiện thể chế, cải cách các thủ tục hành chính theo hướng tinh gọn, đơn giản hóa hồ sơ, rút ngắn thời gian thực hiện các thủ tục, sử dụng công nghệ để tiếp nhận hồ sơ online không địa giới hành chính; nỗ lực xây dựng hệ thống giải pháp, cơ chế, chính sách phù hợp khuyến khích các thành phần kinh tế phát triển, trong đó quan tâm tạo điều kiện tốt nhất phát triển nhanh khu vực kinh tế tư nhân.

Theo bảng xếp hạng chỉ số PCI cả nước năm 2024, PCI của các tỉnh trước sáp nhập là: (i) tỉnh Phú Thọ xếp thứ 8/30 tỉnh thành được công bố xếp hạng; (ii) tỉnh Vĩnh Phúc xếp 24/30 tỉnh thành được công bố xếp hạng; (iii) tỉnh Hòa Bình xếp vị trí 60 trong bảng xếp hạng chỉ số PCI năm 2024.

Trên cơ sở phân tích chỉ số PCI của 3 tỉnh qua các năm, qua đó nhận diện những mặt mạnh, những mặt cần được cải thiện về môi trường kinh doanh ở tỉnh và đưa ra một số giải pháp cụ thể để thúc đẩy sự phát triển của khu vực kinh tế tư nhân. Đây sẽ là cơ sở để các cấp, các ngành xây dựng và triển khai các kế hoạch, giải pháp cụ thể hơn nhằm chung tay cải thiện môi trường đầu tư và kinh doanh trên địa bàn tỉnh, đáp ứng yêu cầu của sự phát triển trong kỷ nguyên vươn mình của đất nước.

Do đó, việc xây dựng và ban hành Đề án Cải thiện môi trường đầu tư nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh đoạn 2025- 2030 là rất cần thiết.

II. CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN:

1. Các căn cứ của Trung ương:

Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 08/01/2025 của Chính phủ Về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2025;

Nghị quyết số 68/NQ-TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân;

Nghị quyết số 198/2025/QH15 ngày 17/5/2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân;

Nghị quyết số 138/NQ-CP ngày 16/5/2025 của Chính phủ Ban hành Kế hoạch hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân;

Nghị quyết số 139/NQ-CP ngày 17/5/2025 của Chính phủ Ban hành Kế hoạch của Chính phủ triển khai Nghị quyết số 198/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân;

2. Các căn cứ của tỉnh:

Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Phú Thọ lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030 số 01-NQ/ĐH ngày 31/10/2025;

Chương trình hành động của Ban Chấp hành tỉnh Đảng bộ thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Phú Thọ lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030 số 01-CTr/TU ngày 31/10/2025;

Kế hoạch hành động số 10/KH-TU ngày 15/8/2025 của Tỉnh ủy Phú Thọ về thực hiện Nghị quyết số 68/NQ-TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân;

Kế hoạch số 2547/KH-UBND ngày 18/8/2025 của UBND tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 198/2025/QH15 ngày 17/5/2025 của Quốc hội; Nghị quyết số 138/NQ-CP ngày 16/5/2025; Nghị quyết số 139/NQ-CP ngày 17/5/2025 của Chính phủ và Kế hoạch số 10-KH/TU ngày 15/8/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 68/NQ-TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân;

Quyết định số 467/QĐ-UBND ngày 29/7/2025 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc ban hành Chương trình công tác 6 tháng cuối năm 2025 của UBND tỉnh;

Quyết định số 1635/QĐ-UBND ngày 05/11/2025 của UBND tỉnh về phê duyệt đề cương Đề án Cải thiện môi trường đầu tư nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh giai đoạn 2025 - 2030;

Thông báo số 338/TB-UBND ngày 05/11/2025 Kết luận của Chủ tịch UBND tỉnh Trần Duy Đông tại cuộc họp nghe Sở Tài chính báo cáo Đề án thu hút nhà đầu

tư, tập đoàn kinh tế chiến lược đến đầu tư tại tỉnh; Đề cương Đề án cải thiện môi trường đầu tư nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh giai đoạn 2025-2030;

Kết luận số 81-KL/TU ngày 18/12/2025 của Thường trực Tỉnh ủy, Kết luận số 82-KL/TU ngày 18/12/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại hội nghị ngày 18/12/2025 về nội dung Đề án cải thiện môi trường đầu tư năng lực cạnh tranh cấp tỉnh giai đoạn 2025 – 2030;

- Kết quả xếp hạng chỉ số năng lực cạnh tranh năm 2024 của 3 tỉnh: Phú Thọ, Vĩnh Phúc, Hòa Bình do Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam công bố.

Phần thứ nhất
ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ XẾP HẠNG CHỈ SỐ
NĂNG LỰC CẠNH TRANH CẤP TỈNH CỦA 3 TỈNH:
PHÚ THỌ, VĨNH PHÚC, HÒA BÌNH

I. KẾT QUẢ XẾP HẠNG PCI CỦA 3 TỈNH:

1. Kết quả xếp hạng các chỉ số thành phần PCI tỉnh Phú Thọ (cũ):

1.1. Kết quả chung:

a. Tổng hợp kết quả chỉ số PCI

Năm	Điểm tổng hợp	Kết quả xếp hạng PCI
2022	66,30	24
2023	69,10	10
2024	70,35	8

b. Kết quả 10 chỉ số thành phần PCI

Năm	Tiếp cận đất đai	Chi phí thời gian	Chi phí không chính thức	Tính năng động của chính quyền	Đào tạo lao động	Thiết chế pháp lý & ANTT	Gia nhập thị trường	Tính minh bạch	Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp	Cạnh tranh bình đẳng
2022	7,25	7,08	6,54	7,26	6,53	7,51	6,95	6,05	5,98	5,28
2023	6,95	7,61	7,05	6,80	6,77	7,40	7,34	6,45	6,89	6,24
2024	6,77	8,01	7,08	6,63	7,43	6,90	7,76	5,96	7,19	7,02

c. Chỉ số xanh cấp tỉnh (PGI)

Tên chỉ số thành phần	Năm 2023	Năm 2024
Giảm thiểu ô nhiễm và thiên tai	5,40	5,51
Đảm bảo tuân thủ	5,58	6,56

Thúc đẩy thực hành xanh	4,02	5,30
Chính sách khuyến khích và dịch vụ hỗ trợ	5,81	6,48

1.2. Kết quả cụ thể:

(i) Về chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2024: Tỉnh Phú Thọ đứng 8/30 tỉnh- năm thứ 2 tỉnh Phú Thọ lọt top 10 và duy trì 3 năm liên tiếp trong top 30 tỉnh, thành phố có chất lượng điều hành tốt nhất; **điểm tổng hợp 70,35 điểm (tăng 1,25 điểm so năm 2023)**; đứng thứ 1 Vùng TD&MN phía Bắc. Trong 10 chỉ số thành phần của PCI năm 2024, **có 06 chỉ số tăng điểm** so năm 2023, gồm: Gia nhập thị trường; Chi phí thời gian; Chi phí không chính thức; Cạnh tranh bình đẳng; Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp; Đào tạo lao động **Có 04 chỉ số giảm điểm**: Tiếp cận đất đai; Tính minh bạch; Tính năng động của chính quyền; Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự.

(ii) Về Chỉ số xanh cấp tỉnh (PGI) năm 2024. Tỉnh Phú Thọ không nằm trong Top 30 tỉnh, thành phố có điểm PGI cao nhất cả nước. Trong 4 chỉ số thành phần của PGI năm 2024 **có 2 chỉ số tăng điểm** so năm 2023: Giảm thiểu ô nhiễm và thiên tai; Chính sách khuyến khích và dịch vụ hỗ trợ. **2 chỉ số giảm điểm** so năm 2023: Đảm bảo tuân thủ; Thúc đẩy thực hành xanh.

2. Kết quả xếp hạng các chỉ số thành phần PCI tỉnh Vĩnh Phúc (cũ):

2.1. Kết quả chung:

a. Tổng hợp kết quả chỉ số PCI:

Năm	Điểm tổng hợp	Kết quả xếp hạng PCI
2022	68,91	08/63
2023	68,81	15/30
2024	68,29	25/30

b. Kết quả 10 chỉ số thành phần PCI :

Năm	Tiếp cận đất đai	Chi phí thời gian	Chi phí không chính thức	Tính năng động của chính quyền	Đào tạo lao động	Thiết chế pháp lý & ANTT	Gia nhập thị trường	Tính minh bạch	Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp	Cạnh tranh bình đẳng
2022	6,99	7,46	7,12	7,04	6,07	8,23	6,98	6,09	6,61	6,19
2023	6,83	8,03	7,47	6,89	6,79	8,05	7,32	5,76	5,81	6,32
2024	6,28	7,25	6,80	6,28	7,15	7,76	7,30	6,82	7,17	6,04

c. Chỉ số xanh cấp tỉnh (PGI):

Tên chỉ số thành phần	Năm 2023	Năm 2024
Giảm thiểu ô nhiễm và thiên tai	7,46	7,69
Đảm bảo tuân thủ	6,07	6,75
Thúc đẩy thực hành xanh	3,28	5,48
Chính sách khuyến khích và dịch vụ hỗ trợ	5,48	6,02

2.2. Kết quả cụ thể:

(i) Về chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2024: Tỉnh Vĩnh Phúc đạt **68,29 điểm**, lọt vào nhóm 30 tỉnh dẫn đầu khi xếp thứ **25/63 tỉnh, thành phố**. Trong các chỉ số thành phần PCI năm 2024 (theo PCIVietnam – dữ liệu từ hệ thống VCCI), Vĩnh Phúc có: **02 chỉ số tăng điểm** và tăng thứ hạng: *Tính minh bạch* (5,76 → 6,82) và *Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp* (5,81 → 7,17); **01 chỉ số tăng điểm nhưng giảm thứ hạng:** *Đào tạo lao động* (6,79 → 7,15); **07 chỉ số giảm điểm và giảm thứ hạng:** *Gia nhập thị trường, Tiếp cận đất đai, Chi phí thời gian, Chi phí không chính thức, Cạnh tranh bình đẳng, Tính năng động, Thiết chế pháp lý & ANTT*.

(ii) Về Chỉ số xanh cấp tỉnh (PGI) năm 2024: Trong 4 chỉ số thành phần của PGI năm 2024, cả 4/4 chỉ số đều tăng điểm so với năm 2023, không có chỉ số nào giảm điểm. Cụ thể: *Giảm thiểu ô nhiễm và thiên tai* tăng từ 7,46 lên 7,69; *Đảm bảo tuân thủ các tiêu chuẩn môi trường tối thiểu* tăng từ 6,07 lên 6,75; *Vai trò lãnh đạo chính quyền trong bảo vệ môi trường* tăng từ 3,28 lên 5,48; và *Chính sách, dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp môi trường* tăng từ 5,48 lên 6,02; không có chỉ số giảm điểm so năm 2023.

3. Kết quả xếp hạng các chỉ số thành phần PCI tỉnh Hòa Bình (cũ):**3.1. Kết quả chung:**

a. Tổng hợp kết quả chỉ số PCI

Năm	Điểm tổng hợp	Kết quả xếp hạng PCI
2022	62,81	53
2023	63,92	53
2024	62,95	60

b. Kết quả 10 chỉ số thành phần PCI

Năm	Tiếp cận đất đai	Chi phí thời gian	Chi phí không chính thức	Tính năng động của chính quyền	Đào tạo lao động	Thiết chế pháp lý & ANTT	Gia nhập thị trường	Tính minh bạch	Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp	Cạnh tranh bình đẳng
2022	6,62	6,83	6,57	6,79	5,58	6,91	6,49	4,80	5,73	6,01
2023	6,35	7,42	6,81	6,25	5,60	7,90	6,79	5,93	6,14	5,20
2024	5,97	6,81	6,85	5,94	6,03	6,43	7,28	6,32	6,26	5,74

c. Chỉ số xanh cấp tỉnh (PGI)

Tên chỉ số thành phần	Năm 2023	Năm 2024
Giảm thiểu ô nhiễm và thiên tai	5,45	5,33
Đảm bảo tuân thủ	6,25	6,97
Thúc đẩy thực hành xanh	4,00	5,36
Chính sách khuyến khích và dịch vụ hỗ trợ	5,07	5,83

3.2. Kết quả cụ thể:

(i) Về chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2024: Tỉnh Hòa Bình không nằm trong nhóm 30 tỉnh, thành phố có chất lượng điều hành tốt nhất; **điểm tổng hợp 62,95 điểm (giảm 0,97 điểm so năm 2023)**; Trong 10 chỉ số thành phần của PCI năm 2024, **có 06 chỉ số tăng điểm** so năm 2023, gồm: Gia nhập thị trường, Tính minh bạch, Chi phí không chính thức, Cạnh tranh bình đẳng, Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp và Đào tạo lao động. **Có 04 chỉ số giảm điểm**, gồm: Tiếp cận đất đai, Chi phí thời gian, Tính năng động và tiên phong của chính quyền, Thiết chế pháp lý và An ninh trật tự.

(ii) Về Chỉ số xanh cấp tỉnh (PGI) năm 2024. Trong 4 chỉ số thành phần của PGI năm 2024 **có 03 chỉ số tăng điểm** so năm 2023: Đảm bảo tuân thủ, Thúc đẩy thực hành xanh, Chính sách khuyến khích và dịch vụ hỗ trợ; 01 **chỉ số giảm điểm** so năm 2023: Giảm thiểu ô nhiễm và thiên tai.

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG:

1. Theo đánh giá chung của Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) về chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2024:

Chỉ số PCI trung vị năm 2024 của các tỉnh/thành phố đạt 67,67 điểm, tăng hơn 1 điểm so với năm 2023, là năm thứ tám liên tiếp điểm số PCI trung vị vượt mốc 60 điểm. Điều này cho thấy chất lượng điều hành tiếp tục có sự cải thiện. Một số chỉ số thành phần cho thấy sự chuyển biến tích cực như: chất lượng lao động được đánh giá tốt hơn, minh bạch thông tin được nâng cao, thủ tục gia nhập thị trường thuận lợi hơn và thiết chế pháp lý và an ninh trật tự tiếp tục duy trì ở mức cao. Tuy nhiên, một số chỉ số có dấu hiệu suy giảm như tính năng động của chính quyền địa phương, chất lượng xử lý thủ tục hành chính, chi phí thời gian và chi phí không chính thức chưa được cải thiện, khó khăn về tiếp cận đất đai gia tăng.

2. Đối với từng tỉnh trước khi sáp nhập:

2.1. *Tỉnh Phú Thọ*: đứng 8/30 tỉnh - năm thứ 2 tỉnh Phú Thọ lọt top 10 và duy trì 3 năm liên tiếp trong top 30 tỉnh, thành phố có chất lượng điều hành tốt nhất; **điểm tổng hợp 70,35 điểm (tăng 1,25 điểm so năm 2023)**; đứng thứ 1 Vùng TD&MN phía Bắc. Trong 10 chỉ số thành phần của PCI năm 2024, **có 06 chỉ số tăng điểm** so năm 2023, gồm: Gia nhập thị trường; Chi phí thời gia; Chi phí không chính thức; Cạnh tranh bình đẳng; Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp; Đào tạo lao động **Có 04 chỉ số giảm điểm**: Tiếp cận đất đai; Tính minh bạch; Tính năng động của chính quyền; Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự.

2.2. *Tỉnh Vĩnh Phúc*: xếp vị trí thứ 25/63 tỉnh thành với số điểm 68,29 điểm, giảm 0,52 điểm và giảm 10 bậc so với năm 2023, không hoàn thành mục tiêu đề ra (mục tiêu nằm trong nhóm 15 địa phương đứng đầu cả nước). Năm 2024, chỉ số PCI của tỉnh Vĩnh Phúc chứng kiến sự tụt giảm về cả điểm số và thứ hạng. Trong tổng số 10 chỉ số thành phần, tỉnh Vĩnh Phúc chỉ có 02/10 chỉ số tăng điểm và thứ hạng 01/10 chỉ số tăng điểm và nhưng giảm thứ hạng, 07/10 chỉ số giảm điểm và giảm thứ hạng. Đây là thứ hạng thấp nhất của tỉnh Vĩnh Phúc trong giai đoạn từ năm 2021 đến nay và là năm thứ ba liên tiếp chứng kiến sự giảm điểm số và thứ hạng của tỉnh. Điều này phản ánh môi trường đầu tư, kinh doanh của tỉnh được các doanh nghiệp đánh giá theo chiều hướng không tích cực, cần có giải pháp để cải thiện tình trạng này.

3. *Tỉnh Hòa Bình*: Không nằm trong danh sách các tỉnh được xếp hạng (VCCI không công bố thứ hạng và điểm tổng PCI của các địa phương từ 31 đến 63). Các tỉnh/thành phố quan tâm phải tự tìm hiểu, lấy thông tin điểm thành phần của tất cả các tỉnh/thành phố, gán trọng số và tự tính toán điểm tổng PCI. Sau đó mới có cơ sở so sánh thứ hạng của tỉnh/thành phố mình với các tỉnh/thành phố trên cả nước. Trên cơ sở các phiếu phản hồi, VCCI đã xử lý, đánh giá điểm số PCI tỉnh Hòa Bình đạt 62,95 điểm (giảm 0,97 điểm so với năm 2023); đứng thứ hạng 60 so với cả nước (giảm 07 bậc so với năm 2023). Trong 10 chỉ số thành phần, có 06 chỉ số thành phần tăng điểm và 04 chỉ số giảm điểm; 04 chỉ số cải thiện thứ hạng, 06 chỉ số giảm thứ hạng; 01 chỉ số nằm trong nhóm trung bình của cả nước (Chi phí không chính thức xếp thứ 27), còn lại đều có vị trí từ 31 đến 61.

III. HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Hạn chế

- Thủ tục cấp giấy phép kinh doanh có điều kiện còn là rào cản đối với doanh nghiệp khi gia nhập thị trường, gây ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất, kinh doanh.

- Tiếp cận đất đai là điểm nghẽn chưa được giải quyết và có chiều hướng diễn biến xấu đi. Khó khăn thực hiện các thủ tục hành chính về đất đai, thiếu quỹ đất sạch, vướng mắc về giải phóng mặt bằng, tiếp cận thông tin, dữ liệu về đất đai hạn chế, tăng rủi ro về thu hồi đất vẫn là những đánh giá tiêu cực của doanh nghiệp đối với chính quyền tỉnh trong các vấn đề về đất đai.

- Việc cập nhật, công khai các văn bản như quy hoạch, tài liệu pháp lý cho công dân, doanh nghiệp trên Cổng Thông tin điện tử của tỉnh, của một số cơ quan không đầy đủ, chưa kịp thời; sắp xếp các kênh tin trên Cổng Thông tin điện tử tỉnh và các cổng thành phần còn chưa hợp lý, nội dung chưa thật sự đầy đủ. Tính minh bạch trong đấu thầu sụt giảm mạnh trong năm vừa qua.

- Việc đơn giản hóa và rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính, công khai, minh bạch thông tin, phát huy hiệu quả của chính quyền điện tử chưa cao, hoạt động thanh tra, kiểm tra còn có sự trùng lặp, những nhiễu gây bức xúc cho doanh nghiệp. Doanh nghiệp phải dành nhiều thời gian để tìm hiểu và thực hiện quy định của pháp luật.

- Doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh vẫn phải trả các chi phí không chính thức khi thực hiện thủ tục cấp phép kinh doanh có điều kiện, chi trả cho các cán bộ PCCC, thanh tra kiểm tra trong các lĩnh vực như thuế, quản lý thị trường, xây dựng, môi trường, đất đai. doanh nghiệp phải bỏ nhiều chi phí không chính thức hơn trong năm qua.

- Vẫn còn tình trạng ưu ái, tạo điều kiện thuận lợi hơn cho doanh nghiệp doanh nghiệp lớn (gồm cả doanh nghiệp Nhà nước và doanh nghiệp tư nhân) thể hiện qua các chỉ tiêu đánh giá của doanh nghiệp. Điều này gây ảnh hưởng đến việc xây dựng môi trường cạnh tranh bình đẳng cho doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa. Hệ thống chính trị từ cấp tỉnh đến các cơ quan chuyên môn và cấp huyện đã quan tâm hơn đến phát triển khu vực tư nhân, các vấn đề vướng mắc của khu vực này đã được chỉ đạo giải quyết nhưng kết quả còn hạn chế. Nhiều khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp được lãnh đạo UBND tỉnh trực tiếp chỉ đạo với thái độ quyết liệt tuy nhiên chưa đáp ứng được với nhu cầu của doanh nghiệp.

- Các doanh nghiệp đánh giá thấp hơn so với năm 2023 về tính năng động tiên phong của chính quyền các cấp và các sở, ngành. Đặc biệt đánh giá của doanh nghiệp đối với hành động của lãnh đạo địa phương về các cam kết về môi trường đầu tư kinh doanh, tính năng động trong vấn đề mới phát sinh của doanh nghiệp, linh hoạt trong khuôn khổ pháp có xu hướng giảm.

- Còn rất nhiều doanh nghiệp, đặc biệt các doanh nghiệp nhỏ chưa tiếp cận được thông tin về các kênh hỗ trợ doanh nghiệp chính thức từ cơ quan nhà nước. Hầu hết những nhà quản lý, doanh nghiệp đều thiếu thông tin đầy đủ và chính xác về những dịch vụ đang có trên thị trường. Sự gắn kết giữa các hội, hiệp hội doanh nghiệp với các doanh nghiệp còn chưa chặt chẽ, nên chưa giới thiệu thông tin về

các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hỗ trợ đến cộng đồng doanh nghiệp... Việc phổ biến, hướng dẫn các chính sách hỗ trợ, ưu đãi cho doanh nghiệp còn chưa hiệu quả. Doanh nghiệp thường thiếu thông tin hoặc không hiểu rõ về các chính sách hiện hành.

- Một số vấn đề của về chỉ số đào tạo lao động của tỉnh cho thấy việc tuyển dụng lao động phổ thông còn gặp khó khăn, chi phí doanh nghiệp phải bỏ ra cho tuyển dụng và đào tạo lao động còn khá lớn, chất lượng đào tạo nghề và giáo dục phổ thông có dấu hiệu giảm sút.

- Hệ thống trợ giúp pháp lý của tỉnh chưa đủ mạnh mẽ, hiệu quả xét xử và thực thi luật pháp giảm, tình trạng doanh nghiệp bị trộm cắp hoặc đột nhập tăng lên trong năm vừa qua.

2. Nguyên nhân

2.1. Nguyên nhân chủ quan

- Tính năng động, tiên phong ở một số cấp, ngành và địa phương chưa đáp ứng được kỳ vọng của doanh nghiệp khi thực hiện các thủ tục hành chính và giải quyết các vấn đề mới phát sinh trong hoạt động sản xuất, kinh doanh.

- Sự phối hợp giữa các Sở, ban, ngành chưa chặt chẽ, còn mang tính hình thức, chưa quyết liệt. Lãnh đạo các sở, ngành, địa phương chưa thực sự quan tâm, chỉ đạo để cải thiện các công việc, nhiệm vụ có liên quan đến chỉ số Cạnh tranh bình đẳng và Tính năng động và tiên phong của chính quyền.

- Nguồn lực để thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho người bị thu hồi đất còn thiếu; đồng thời, theo quy định của pháp luật đất đai thì đất đã giải phóng mặt bằng để giao cho nhà đầu tư phải thông qua hình thức đấu giá, trả tiền 1 lần cho thời gian thuê cũng gây khó khăn cho nhà đầu tư. Cùng với đó, hạ tầng cơ sở dữ liệu số, việc sử dụng các phần mềm sử dụng cho công tác quản lý đất đai còn nhiều hạn chế chưa đồng bộ và cập nhật kịp thời.

- Các cuộc thanh tra kiểm tra trong năm và xử lý cán bộ trong năm 2024 và các kết luận thanh tra, kiểm tra, giám sát chỉ ra nhiều tồn tại khuyết điểm của các cơ quan nhà nước cũng làm ảnh hưởng đến tính năng động của chính quyền và cán bộ công chức. Còn có sự đùn đẩy, sợ trách nhiệm của các cấp và sở, ngành trong thời gian qua và tiếp tục có xu hướng tăng lên.

- Một bộ phận CBCC tiếp xúc trực tiếp với doanh nghiệp còn thiếu sự hướng dẫn tận tình, chưa thực sự coi doanh nghiệp là đối tượng phục vụ. Thủ tục hành chính còn phức tạp, thiếu nhất quán, cụ thể: việc hướng dẫn thực hiện TTHC đôi khi chưa rõ ràng, dễ gây hiểu nhầm, hoặc có sự thiếu nhất quán trong áp dụng giữa các cán bộ khác nhau, hoặc giữa các thời điểm khác nhau, buộc doanh nghiệp mất thêm thời gian để tìm hiểu, điều chỉnh hồ sơ. Điều này tạo ra tâm lý e ngại, mệt mỏi cho doanh nghiệp khi phải làm việc với cơ quan nhà nước, làm tăng thời gian chờ đợi, đi lại không cần thiết.

- Thời gian giải quyết một số TTHC vẫn còn dài hơn so với quy định hoặc so với kỳ vọng của doanh nghiệp, thiếu sự linh hoạt trong xử lý tình huống. Doanh

nghiệp thường phải đi lại nhiều lần, chờ đợi lâu để hoàn tất một thủ tục, làm lãng phí nguồn lực và cơ hội kinh doanh.

- Tỷ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến (DVCTT) mức độ cao còn hạn chế. Nguyên nhân có thể do giao diện hệ thống chưa thực sự thân thiện, quy trình trực tuyến còn phức tạp, thiếu tính năng hỗ trợ, hoặc do thói quen, tâm lý e ngại của doanh nghiệp.

- Công tác tuyên truyền, quảng bá các nội dung trong các cam kết FTA đến cộng đồng doanh nghiệp chưa tốt, vẫn còn rất nhiều doanh nghiệp chưa biết đến các hiệp định thương mại tự do mà Việt Nam đã tham gia ký kết. Chất lượng thông tin trên website của ngành còn hạn chế, chưa kịp thời; nhiều thông tin cũ lạc hậu, việc cập nhật không được thường xuyên, kịp thời.

Công tác tuyên truyền, phổ biến các nội dung liên quan đến các cam kết FTA đối với cộng đồng doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh còn chưa đạt hiệu quả như mong muốn. Nhiều doanh nghiệp vẫn chưa nắm bắt đầy đủ thông tin về các hiệp định thương mại tự do mà Việt Nam đã tham gia, đặc biệt là các FTA được coi là thế hệ mới như EVFTA, CPTPP, UKVFTA... Tính kịp thời của thông tin đăng tải trên các trang thông tin điện tử của ngành còn độ trễ trong quá trình cập nhật.

Bên cạnh đó, các cơ quan quản lý nhà nước chưa chủ động một cách đầy đủ trong việc hướng dẫn doanh nghiệp triển khai các thủ tục để tiếp cận các chính sách hỗ trợ nhằm tận dụng cơ hội từ các FTA. Công tác cung cấp thông tin thị trường, thông tin về xuất nhập khẩu chưa được đầu tư thỏa đáng. Cơ chế tiếp nhận và xử lý phản ánh, khó khăn của doanh nghiệp trong quá trình thực thi các cam kết FTA chưa phát huy được hiệu quả như mong đợi, dẫn đến một số vướng mắc của doanh nghiệp chưa được xử lý đúng thời điểm.

- Mạng lưới tư vấn viên của cơ quan nhà nước đã được hình thành nhưng thủ tục để được miễn, giảm chi phí tư vấn pháp luật, tư vấn thông tin thị trường còn khó tiếp cận.

- Việc tổ chức hội nghị, diễn đàn, đối thoại doanh nghiệp hay các sự kiện tư vấn về thông tin thị trường, tư vấn pháp luật.... hàng năm còn rất hạn chế về số lượng và quy mô, dẫn đến doanh nghiệp giảm cơ hội tiếp cận thông tin.

- Sự phối hợp giữa các ngành trong việc thực hiện các chỉ số thành phần chưa chặt chẽ, chưa quyết liệt. Chất lượng công tác tham mưu giải quyết những vướng mắc của doanh nghiệp còn hạn chế.

2.2. Nguyên nhân khách quan

- Hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật về đầu tư, xây dựng, quy hoạch, đất đai, môi trường, thuế, thanh tra kiểm tra...còn một số quy định chưa thống nhất dẫn đến khó khăn trong việc áp dụng giải quyết cũng như làm mất thêm thời gian, chi phí của các doanh nghiệp trong hoạt động đầu tư kinh doanh của doanh nghiệp.

- Công tác đào tạo khởi sự doanh nghiệp và quản trị kinh doanh đã được nhiều cơ quan nhà nước quan tâm tổ chức nhưng vẫn còn nhiều doanh nghiệp

chưa biết đến hoặc không quan tâm đến nội dung đào tạo. Một bộ phận doanh nghiệp chưa chủ động trong tiếp cận thông tin, tham gia các hội nghị tập huấn, chia sẻ thông tin từ các cơ quan đơn vị.

- Môi trường kinh doanh ngày càng cạnh tranh, doanh nghiệp kỳ vọng được hỗ trợ nhiều hơn. Nếu sự hỗ trợ không đáp ứng được kỳ vọng, họ sẽ đánh giá rằng chính quyền thiên lệch dù chính sách chung vẫn đang hướng tới sự công bằng.

- Nhiều doanh nghiệp chưa tích cực phản ánh khó khăn hoặc không tham gia các kênh đối thoại như hội nghị, các kênh khảo sát, các hiệp hội doanh nghiệp... Do đó, vấn đề của các doanh nghiệp chưa được xử lý kịp thời, do đó các doanh nghiệp nhỏ và vừa này đánh giá tình ưu tiên giải quyết khó khăn cho các doanh nghiệp lớn.

- Năm 2024 là năm thay đổi các chính sách pháp luật về đất đai, cụ thể là Luật Đất đai và các Nghị định, Thông tư hướng dẫn thi hành, dẫn đến khi thi hành luật và áp dụng tại địa phương có độ trễ nhất định, nhất là đối với các nội dung chuyển tiếp từ Luật cũ sang Luật mới.

- Cơ sở dữ liệu đất đai đang bước đầu được xây dựng hoàn thiện, nguồn lực về con người, máy móc trang thiết bị đang rất thiếu chưa đáp ứng được yêu cầu hội nhập quốc tế mà các thủ tục hành chính về đất đai đưa ra phải giải quyết nhanh chóng kịp thời, trong khi đó nguồn gốc, lịch sử đất đai phức tạp, cơ chế chính sách thông thoáng, quyết liệt nhiều khi cũng còn có sai sót, rủi ro trong quá trình thực hiện.

- Nhà đầu tư chưa chủ động tìm hiểu, nắm bắt các quy định của pháp luật về đất đai dẫn đến dễ xảy ra vi phạm.

- Việc chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng và chuyển mục đích rừng còn chồng lấn giữa đất và loại rừng; việc thực hiện các dự án phát sinh, các dự án trọng điểm trong bối cảnh quy hoạch sử dụng đất không được điều chỉnh cục bộ, các quy hoạch chuyên ngành khác chưa đảm bảo tích hợp, thống nhất với nhau dẫn đến không thể triển khai thực hiện được; Việc xác định các tính chất, loại dự án, cơ chế thu hồi, giao đất, cơ chế thỏa thuận còn phức tạp; xác định giá đất còn nhiều vướng mắc; cơ chế tạo quỹ đất sạch của Tổ chức phát triển đất có cơ chế nhưng chưa rõ, chưa đầy đủ trình tự, thủ tục; nghĩa vụ tài chính về đất đai, miễn giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác còn phức tạp.

- Các doanh nghiệp chưa chủ động trong việc tìm hiểu các hiệp định thương mại tự do FTAs. Mức độ am hiểu pháp luật, các quy định của nhà nước của một số doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh còn hạn chế.

- Một số chỉ tiêu đánh giá của doanh nghiệp còn chưa thật sự khách quan, chưa phản ánh đúng những nỗ lực của các cấp các ngành trong việc giải quyết các thủ tục có liên quan và tháo gỡ khó khăn vướng mắc cho doanh nghiệp.

Phần thứ hai **CÁC CHỈ TIÊU CỦA BỘ CHỈ SỐ PCI 2.0**

I. BỘ CHỈ SỐ PCI 2.0

Theo văn bản số 1370/LĐTM-PC ngày 08/8/2025 của Liên đoàn thương mại và công nghiệp Việt Nam về việc lấy ý kiến về Hệ thống chỉ số phương pháp xây dựng PCI 2.0. Bộ chỉ số PCI 2.0 đang được lấy ý kiến các bộ ngành và các địa phương để xây dựng Phiếu khảo sát. Nội dung chủ yếu như sau:

1. Nguyên tắc xây dựng chỉ số:

- Thực chất: Các chỉ tiêu đo lường được chất lượng và hiệu quả thực sự của chính sách và hành động của chính quyền;
- Bám sát chính sách: Mọi chỉ số và chỉ tiêu thành phần phải có khả năng truy vết ngược lại một cách rõ ràng tới các yêu cầu, mục tiêu cụ thể đã được nêu trong các văn kiện chiến lược của Đảng và Nhà nước;
- Tích hợp và toàn diện: Bộ chỉ số phải lồng ghép một cách hữu cơ các yếu tố về đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, và phát triển bền vững vào các chỉ số thành phần kinh tế cốt lõi;
- Hướng tới cấp cơ sở: Các chỉ tiêu được thiết kế theo hướng “mô-đun hóa”; có khả năng được điều chỉnh và áp dụng để xây dựng các bộ chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh ở cấp sở, ban, ngành và cấp xã, phường;
- Khả thi và cân bằng: Mỗi chỉ số thành phần sẽ được cấu thành từ sự kết hợp cân bằng giữa dữ liệu khảo sát doanh nghiệp và dữ liệu thống kê chính thức;
- Sẵn có và công bằng: Đối với các chỉ tiêu sử dụng dữ liệu thống kê, phải đảm bảo rằng dữ liệu đó được công bố định kỳ hàng năm và có độ phủ đồng bộ trên tất cả 34 tỉnh, thành phố;
- Tối ưu hóa khảo sát: Phiếu khảo sát sẽ chỉ tập trung vào những khía cạnh mà dữ liệu thống kê không thể đo lường được.

2. Cấu trúc Bộ chỉ số PCI 2.0

PCI 2.0 được cấu trúc lại một cách logic gồm 3 Trụ cột lớn, bao hàm 10 chỉ số thành phần. Cấu trúc này phản ánh một cách toàn diện quá trình phát triển của doanh nghiệp tư nhân, từ những điều kiện nền tảng, các động lực tăng trưởng cho đến vai trò kiến tạo của chính quyền.

Trụ cột I: Nền tảng môi trường kinh doanh thuận lợi

Đây là những yếu tố cốt lõi, mang tính điều kiện cần, tạo ra một môi trường kinh doanh an toàn, chi phí thấp và có thể dự báo được cho doanh nghiệp hoạt động.

1. Chỉ số thành phần 1: Gia nhập thị trường;
2. Chỉ số thành phần 2: Tiếp cận nguồn lực phát triển;
3. Chỉ số thành phần 3: Tính Minh bạch và Trách nhiệm giải trình;
4. Chỉ số thành phần 4: Chi phí tuân thủ.

Trụ cột II: Thúc đẩy môi trường cạnh tranh bình đẳng, thông thoáng và an toàn.

Đây là những yếu tố góp phần củng cố, hỗ trợ sự phát triển của doanh nghiệp

5. Chỉ số thành phần 5: Môi trường cạnh tranh bình đẳng;
6. Chỉ số thành phần 6: Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp và nâng cao chất lượng lao động;
7. Chỉ số thành phần 7: Thiết chế pháp lý.

Trụ cột III: Động lực tăng trưởng bền vững và vai trò của chính quyền

Đây là những yếu tố đo lường kết quả và động lực phát triển nội tại của chính khu vực kinh tế tư nhân, phản ánh sự lớn mạnh về chất, khả năng đổi mới và cam kết với sự phát triển bền vững và đo lường vai trò chủ động, tích cực của chính quyền trong việc dẫn dắt, thúc đẩy sự phát triển của kinh tế tư nhân.

8. Chỉ số thành phần 8: Động lực tăng trưởng bền vững và đổi mới sáng tạo;
9. Chỉ số thành phần 9: Quy mô, hiệu quả và đóng góp của kinh tế tư nhân;
10. Chỉ số thành phần 10: Sự năng động và vai trò kiến tạo của chính quyền tỉnh;

Trên cơ sở các trụ cột và các chỉ số thành phần, dự báo và chỉ tiêu phấn đấu đối với từng chỉ số thành phần đối với tỉnh Phú Thọ.

II. GIẢI PHÁP ĐỐI VỚI TỪNG CHỈ SỐ

Trên cơ sở Cấu trúc Bộ chỉ số PCI 2.0 là các Trụ cột và các chỉ số thành phần, nhiệm vụ cụ thể của từng đơn vị theo chức năng, nhiệm vụ của các sở ngành và chính quyền đại phương sẽ chủ trì đối với từng Trụ cột và từng chỉ số thành phần, cụ thể:

A. Trụ cột I: Nền tảng môi trường kinh doanh thuận lợi

1. Chỉ số thành phần số 1: Gia nhập thị trường

Mục tiêu: Đánh giá sự dễ dàng, nhanh chóng, chi phí thấp và chất lượng phục vụ khi doanh nghiệp thực hiện các thủ tục để bắt đầu kinh doanh và các thủ tục cấp phép có liên quan.

1.1. Sở Tài chính:

- Niêm yết đầy đủ, công khai thủ tục đăng ký doanh nghiệp. Thực hiện tốt việc giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế online để rút ngắn thời gian và chi phí cho doanh nghiệp và nhà đầu tư khi thực hiện các thủ tục gia nhập thị trường, khởi sự kinh doanh, thủ tục đầu tư, xây dựng, đất đai, môi trường...

- Xây dựng quy định về trình tự thực hiện các thủ tục hành chính theo quy định của pháp luật có liên quan; phấn đấu rút ngắn thời gian giải quyết các thủ tục các thủ tục cho người dân, doanh nghiệp và nhà đầu tư bằng 40-50% thời gian giải quyết theo quy định.

- Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, điều kiện làm việc, nâng cao kiến thức, kỹ năng chuyên môn và thái độ ứng xử cho cán bộ, công chức trong thực hiện nhiệm vụ tại bộ phận một cửa. Duy trì và triển khai thực hiện tốt hình thức đăng ký kinh doanh qua mạng, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong xử lý công việc. Hỗ trợ doanh nghiệp sau khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thành lập mới triển khai đăng ký các dịch vụ cần thiết để đi vào hoạt động như: Đăng ký mẫu dấu, đăng ký tài khoản ngân hàng, đăng ký chữ ký số...

- Cán bộ, công chức phòng Đăng ký kinh doanh tăng cường hỗ trợ, hướng dẫn rõ ràng, đầy đủ thủ tục đăng ký doanh nghiệp; chủ động hướng dẫn doanh nghiệp hoàn thiện hồ sơ đăng ký doanh nghiệp trước khi nộp nếu doanh nghiệp có nhu cầu. Trường hợp hồ sơ đã nộp chưa hợp lệ, chủ động liên lạc với doanh nghiệp để hướng dẫn chi tiết, không để doanh nghiệp phải bổ sung hồ sơ từ 02 lần trở lên.

- Tích cực tuyên truyền, phổ biến rộng rãi để tổ chức và cá nhân có những hiểu biết cơ bản nhất về quy trình mà cơ quan, đơn vị giải quyết các thủ tục có liên quan đến người dân và doanh nghiệp. Thực hiện một số giải pháp tuyên truyền như: Tạo banner và kết nối Cổng Thông tin Quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trên Cổng thông tin điện tử tỉnh và website của Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh.

- Phối hợp với Ban Quản lý khu công nghiệp thực hiện cơ chế hỗ trợ nhà đầu tư chuẩn bị hồ sơ đăng ký doanh nghiệp hợp lệ, đảm bảo cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp nhanh chóng ngay sau khi nhà đầu tư được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài.

1.2. Thuế tỉnh Phú Thọ: Chỉ đạo các Thuế cơ sở trực tiếp liên hệ và hướng dẫn doanh nghiệp thành lập mới về thủ tục đăng ký thuế, đăng ký phát hành hóa đơn điện tử và tiếp cận các kênh thông tin từ cơ quan thuế sau khi doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thành lập mới. Kịp thời hỗ trợ doanh nghiệp sau khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thành lập mới triển khai đăng ký các dịch vụ cần thiết để thực hiện các thủ tục về thuế, hóa đơn như: Cài đặt ứng dụng dịch vụ thuế điện tử, sử dụng phần mềm kế toán...

1.3. Các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường: Rà soát, đề xuất bãi bỏ các giấy phép, giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh, hồ sơ, tài liệu không cần thiết, cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh. Kết quả rà soát báo cáo UBND tỉnh và được niêm yết công khai, cập nhật để người dân và doanh nghiệp được biết.

Nâng cao chất lượng giải quyết hồ sơ, giảm thời gian cấp phép Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh chuyên ngành thuộc thẩm quyền.

Triển khai thực hiện cơ chế “luồng xanh”, giảm 50% - 60% thời gian giải quyết thủ tục hành chính đối với các dự án trọng điểm trên địa bàn tỉnh.

2. Chỉ số thành phần 2: Tiếp cận nguồn lực phát triển

Mục tiêu: Đánh giá mức độ dễ dàng, công bằng và ổn định trong việc tiếp cận đất đai và các nguồn lực hạ tầng mềm thiết yếu do nhà nước kiến tạo.

2.1. Sở Nông nghiệp và Môi trường:

- Rà soát, đề xuất UBND tỉnh kiến nghị hoàn thiện các cơ chế, chính sách, quy định của pháp luật về quản lý, khai thác và sử dụng hiệu quả tài nguyên, đất đai. Đề xuất cơ chế, chính sách phù hợp tạo quỹ đất sạch để tạo điều kiện thuận lợi cho sản xuất kinh doanh.

- Rút ngắn thời gian cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất làm cơ sở cho cấp xã thực hiện; đề xuất các giải pháp để tích cực để hỗ trợ các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh, người dân khi thực hiện thủ tục hành chính về đất đai.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra sử dụng đất của các tổ chức và kiên quyết đề xuất thu hồi những diện tích đất đã giao, cho thuê không đúng đối tượng, không đúng thẩm quyền, chậm đưa đất vào sử dụng hoặc sử dụng không đúng mục đích gây lãng phí tài nguyên đất, tạo quỹ đất sạch thu hút đầu tư.

- Đẩy nhanh việc xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu đất đai, hệ thống thông tin đất đai hiện đại và đồng bộ; tạo điều kiện thuận lợi hơn cho tổ chức, công dân trong tiếp cận, khai thác sử dụng thông tin đất đai.

- Thực hiện công bố công khai, đầy đủ thông tin các quy hoạch, thông tin về các quỹ đất sạch đưa ra đấu giá, các dự án có sử dụng đất cần lựa chọn nhà đầu tư trên Cổng Thông tin điện tử tỉnh của sở để người dân và doanh nghiệp dễ dàng tiếp cận.

- Nghiên cứu hoàn thiện cơ chế, chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất, giải phóng mặt bằng để tạo điều kiện cho doanh nghiệp ổn định, phát triển sản xuất. Khai thác tốt các khu đô thị mới, khu tái định cư để phục vụ bố trí tái định cư; thực hiện tốt chính sách tái định cư, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho nhà đầu tư để triển khai thực hiện dự án.

2.2. UBND các xã, phường:

- Công khai quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất nhằm minh bạch hóa việc tiếp cận nguồn lực đất đai, mặt bằng sản xuất, làm cơ sở cho việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất.

- Rà soát, thống kê và đề xuất thu hồi hoặc thu hồi đất (theo thẩm quyền) của các dự án không triển khai theo quy định của pháp luật.

- Chủ động tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng các dự án; đặc biệt là các dự án trọng điểm trên địa bàn; tạo nhiều quỹ đất sạch có sẵn để nhà đầu tư dễ dàng tiếp cận.

2.3. *Sở Tài chính*: Tham mưu, xây dựng khung giá đất sát với giá thực tế trên thị trường; rút ngắn thời gian xác định giá đất cụ thể.

2.4. *Thuế tỉnh Phú Thọ*: Đẩy nhanh việc kê khai, nộp thuế trong quá trình thực hiện các thủ tục về đất đai.

2.5. *Ngân hàng nhà nước chi nhánh khu vực IV*: Tăng cường công tác thông tin tuyên truyền về mạng lưới các tổ chức tín dụng trên địa bàn, chính sách hỗ trợ lãi suất, các chương trình tín dụng theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng chính phủ... trên các phương tiện thông tin để doanh nghiệp dễ dàng tiếp cận nguồn tín dụng ngân hàng.

2.6. *Sở Công Thương, Ban quản lý các KCN*:

- Công bố thông tin về các KCN, CCN đã có nhà đầu tư hạ tầng, tiến độ đầu tư hạ tầng và các thông tin về cơ sở hạ tầng, dịch vụ thiết yếu của từng KCN, CCN trên địa bàn tỉnh.

- Thường xuyên cập nhật, công bố thông tin về hiện trạng hạ tầng kỹ thuật khu, cụm công nghiệp, quỹ đất công nghiệp chưa cho thuê, giá cho thuê hạ tầng, ngành nghề thu hút đầu tư vào khu, cụm công nghiệp, các dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp trong khu, cụm công nghiệp”.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND các xã, phường liên quan trong công tác giải phóng mặt bằng các KCN, CCN giao đất cho Chủ đầu tư hạ tầng, tạo quỹ đất sạch cho thu hút dự án vào đầu tư.

2.7. *Sở Khoa học và Công nghệ*: nâng cao chất lượng về các nền tảng số dùng chung của tỉnh, cung cấp để hỗ trợ doanh nghiệp, đặc biệt là DNVVN được tiếp cận và tham gia vào nền kinh tế số.

3. Chỉ số thành phần 3: Tính minh bạch và trách nhiệm giải trình

Mục tiêu: Đánh giá mức độ công khai, dễ tiếp cận của thông tin kinh tế, pháp lý và năng lực giải trình của chính quyền.

3.1. *Các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường*:

- Công khai 100% thông tin, tài liệu (trừ tài liệu mật): Các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị, quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch ngành, các văn bản quy phạm pháp luật, các thủ tục hành chính, danh mục các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng, các chính sách ưu đãi đầu tư của tỉnh...

- Hoàn thành chuẩn hóa bộ thủ tục hành chính, niêm yết công khai, đầy đủ, kịp thời các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết trên mạng internet và tại trụ sở cơ quan, đơn vị. Công khai các thủ tục hành chính được chuẩn hóa trên Cơ sở dữ liệu quốc gia.

- Cung cấp đầy đủ, nhanh chóng các thông tin về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch, văn bản quy phạm pháp luật, thủ tục hành chính, dự án xây

dựng cơ sở hạ tầng, chính sách ưu đãi đầu tư, các thông tin khác có trách nhiệm phải cung cấp theo quy định pháp luật tới các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh, người dân khi có yêu cầu.

- Các cơ quan chủ trì xây dựng cơ chế, chính sách phải phối hợp với các Hiệp hội doanh nghiệp, doanh nhân lấy ý kiến cộng đồng doanh nghiệp bằng hình thức phù hợp trong việc tham gia xây dựng cơ chế, chính sách của tỉnh.

- Thiết lập các đường dây nóng ở các đơn vị để có những phản ánh kịp thời những khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp; quy định cơ chế cụ thể, chi tiết việc kiểm tra, thanh tra doanh nghiệp và công bố công khai quy định này.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và vận hành chính quyền điện tử: Đẩy mạnh đổi mới, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính, thực hiện tốt việc triển khai phần mềm một cửa liên thông trong giải quyết các thủ tục hành chính của tỉnh. Triển khai một số thủ tục trực tuyến mức độ 4, góp phần xây dựng Chính phủ điện tử theo lộ trình, chỉ tiêu đã được xác định.

- Tăng cường công tác thanh tra công vụ, xử lý cán bộ công chức vi phạm; việc chậm trễ chưa giải quyết được thủ tục đối với doanh nghiệp và người dân phải trả lời bằng văn bản trong đó giải thích rõ nguyên nhân.

3.2. *Sở Tài chính*: Theo dõi, giám sát, kiểm tra việc cung cấp thông tin về đấu thầu của chủ đầu tư, bên mời thầu, tăng cường công khai, minh bạch và hiệu quả giám sát trong công tác đấu thầu.

3.3. *Sở Xây dựng và UBND các xã, phường*: Công khai đầy đủ, minh bạch các tài liệu về quy hoạch đề doanh nghiệp sử dụng cho hoạt động đầu tư kinh doanh.

3.4. *Sở Tư pháp*: Cung cấp các tài liệu pháp lý để doanh nghiệp sử dụng cho hoạt động kinh doanh trên trang thông tin điện tử của sở.

3.5. *Văn phòng UBND tỉnh*: Đổi mới, nâng cao chất lượng, tăng tính thời sự, tiện ích và hấp dẫn của Cổng Thông tin điện tử tỉnh, đảm bảo tin tức được cập nhật nhanh chóng, chính xác, kịp thời, đảm bảo tăng tỷ lệ doanh nghiệp truy cập vào Cổng Thông tin điện tử tỉnh đạt từ 80% trở lên.

- Nghiên cứu, thường xuyên đổi mới giao diện, tính năng, tiện ích Cổng thông tin điện tử của tỉnh; liên tục cập nhật các thông tin mới đáp ứng nhu cầu về tra cứu thông tin của người dân và doanh nghiệp.

- Chỉ đạo các sở, ban, ngành, địa phương tích hợp Trang thông tin của tất cả các sở, ban, ngành, địa phương trên Cổng Thông tin điện tử tỉnh.

3.6. *Thuế tỉnh Phú Thọ*: Giám sát việc chấp hành pháp luật, quy trình kiểm tra, trách nhiệm thực thi công vụ của các thành viên đoàn kiểm tra thuế tại doanh nghiệp.

3.7. *Hiệp hội doanh nghiệp, doanh nhân trên địa bàn tỉnh*: Tham gia tích cực trong việc xây dựng, phản biện các chính sách, quy định cải cách thủ tục hành chính của tỉnh.

4. Chỉ số thành phần 4: Chi phí tuân thủ

Mục tiêu: Đo lường tổng hợp gánh nặng tuân thủ mà doanh nghiệp phải đối mặt, bao gồm cả chi phí thời gian phát sinh từ các thủ tục hành chính và chi phí không chính thức, qua đó đánh giá đồng thời tính hiệu quả và Liêm chính của bộ máy công quyền.

4.1. Các sở, ban, ngành, địa phương:

- Thực hiện văn hóa công sở, góp phần xây dựng nền hành chính chuyên nghiệp, văn minh, hiện đại. Tổ chức đào tạo, rèn luyện, nâng cao kỹ năng giải quyết công việc, khả năng tự học hỏi, tự nghiên cứu của đội ngũ cán bộ công chức.

- Tiếp tục thực hiện nhiều mô hình hướng dẫn, hỗ trợ người dân và doanh nghiệp lập, hoàn thiện hồ sơ khi thực hiện các thủ tục hành chính, để tăng tỷ lệ người dân và doanh nghiệp nộp được hồ sơ hợp lệ ngay từ lần nộp đầu tiên và giảm tỷ lệ hồ sơ phải sửa đổi, bổ sung ở mức thấp nhất.

- Thường xuyên rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính bảo đảm tinh gọn, hiệu quả, trong đó tập trung vào những thủ tục hành chính liên quan đến thuế, đăng ký kinh doanh, đầu tư, đất đai, môi trường, các dịch vụ hỗ trợ sản xuất, kinh doanh khác có liên quan... Công khai, minh bạch các chủ trương, chính sách, thủ tục hành chính và các mức thu phí, lệ phí tại các sở, ngành, đơn vị và thực hiện đúng những nội dung đã được niêm yết, công khai; thực hiện có hiệu quả các chương trình, kế hoạch phòng, chống tham nhũng; xây dựng các giải pháp nâng cao chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI). Tăng cường tuyên truyền và đẩy mạnh thực hiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến cấp độ 3, cấp độ 4; đẩy mạnh thực hiện thu phí, lệ phí bằng thanh toán qua thẻ, thanh toán điện tử, không dùng tiền mặt.

- Tăng cường giám sát việc thực thi công vụ của các thành viên đoàn thanh tra, kiểm tra tại doanh nghiệp, không những nhiều doanh nghiệp.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành, giải quyết thủ tục hành chính và xây dựng chính quyền điện tử. Áp dụng có hiệu quả hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO vào hoạt động của tất cả các cơ quan quản lý hành chính Nhà nước; thực hiện có hiệu quả dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 trên cổng thông tin và giao tiếp điện tử tỉnh và cấp xã.

- Kiên quyết xử lý những hành vi kéo dài thời gian giải quyết hồ sơ, gây phiền hà, những nhiễu đối với tổ chức, cá nhân khi thực thi nhiệm vụ để trực lợi. Cơ quan, cá nhân nào bị phản ánh và xác minh đúng sự thực, cá nhân và người đứng đầu cơ quan đó phải chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh và sẽ được đăng tải công khai danh tính, hành vi trên các phương tiện thông tin đại chúng và xử lý theo quy định.

4.2. Sở Nội vụ:

- Tăng cường kiểm tra, hoạt động của bộ phận một cửa; giám sát, kiểm tra, chấn chỉnh công vụ; xử lý nghiêm cán bộ công chức, viên chức, nhân viên làm không đúng quy chế “một cửa”, “một cửa liên thông”. Thời gian kiểm tra định kỳ 6 tháng/lần và đột xuất khi có phản ánh.

- Tăng cường mở các lớp đào tạo về kỹ năng giao tiếp cho đội ngũ cán bộ công chức để cải thiện về thái độ phục vụ người dân, doanh nghiệp, thay đổi mạnh mẽ tác phong thực hiện công vụ của cán bộ công chức; việc đào tạo phải mang tính thực chất và hiệu quả cao, phương pháp đào tạo tiên tiến, đảm bảo đội ngũ cán bộ công chức phải được tham dự ít nhất 01 lớp đào tạo về kỹ năng giao tiếp trong năm.

4.3. Thanh tra tỉnh:

- Định kỳ hàng năm, chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành và các cơ quan trung ương đóng trên địa bàn, rà soát, phân loại đối tượng thanh tra, kiểm tra, tránh tình trạng thanh tra, kiểm tra chồng chéo, trùng lặp về cùng một nội dung, lĩnh vực. Thực hiện thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp theo nguyên tắc không quá 1 lần/năm, trừ trường hợp đột xuất theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền hoặc khi có dấu hiệu vi phạm pháp luật rõ ràng.

4.4. *Thuế tỉnh Phú Thọ*: Giảm bớt số giờ trung bình cho mỗi cuộc doanh nghiệp làm việc với kiểm tra thuế theo mức thấp nhất.

4.5. *Sở Tài chính*: Thực hiện công khai, minh bạch trong đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

4.6. *Tòa án nhân dân tỉnh*: Giải quyết các vụ án kinh tế, tranh chấp thương mại một cách công bằng, khách quan.

B. Trụ cột II: Thúc đẩy môi trường cạnh tranh bình đẳng, thông thoáng, an toàn

5. Chỉ số thành phần 5: Môi trường cạnh tranh bình đẳng

Mục tiêu: Đánh giá mức độ bình đẳng của sân chơi kinh doanh, đảm bảo không có sự ưu ái cho bất kỳ loại hình doanh nghiệp nào.

5.1. Các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường:

- Trong quá trình thực thi nhiệm vụ, các cơ quan tạo điều kiện cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa để các doanh nghiệp nhận được sự bình đẳng như các doanh nghiệp nhà nước, các doanh nghiệp FDI, đặc biệt trong các lĩnh vực:

- Đối xử bình đẳng, công bằng giữa các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế trong việc tiếp cận ưu đãi, hỗ trợ, tiếp cận nguồn vốn, cơ chế chính sách; không phân biệt đối xử và ưu đãi riêng đối với đối với một số doanh nghiệp, đảm bảo bình đẳng trong việc giải quyết thủ tục hành chính cho doanh nghiệp.

- Không phân biệt đối xử giữa doanh nghiệp trong nước, doanh nghiệp nước ngoài, doanh nghiệp nhà nước trong ưu tiên giải quyết các vấn đề khó khăn, ưu đãi đầu tư, tiếp cận đất đai, miễn giảm thuế, thủ tục hành chính, hỗ trợ đầu tư,...

- Công khai các quy định về chính sách ưu đãi đầu tư trên địa bàn tỉnh để các thành phần kinh tế dễ dàng tiếp cận và lựa chọn địa bàn, ngành nghề đầu tư có lợi nhất. Triệt tiêu tình trạng ưu ái, trao đặc quyền về tiếp cận đất đai, tín dụng, khai thác khoáng sản, giải quyết thủ tục hành chính, nhận các hợp đồng từ Nhà

nước cho các tổng công ty, tập đoàn, doanh nghiệp của Nhà nước gây khó khăn cho doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác.

6. Chỉ số thành phần 6: Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp và nâng cao chất lượng lao động

Mục tiêu: Đánh giá hiệu quả của các chính sách hỗ trợ và chất lượng nguồn nhân lực của địa phương

(i) Về Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp

6.1. Sở Công Thương: Triển khai các hoạt động xúc tiến thương mại, kết nối cung cầu; hỗ trợ các doanh nghiệp tổ chức hoặc tham gia các hội chợ, triển lãm, liên kết, hợp tác mở rộng các kênh phân phối hàng hóa.

Tăng cường hiệu quả, hiệu lực của công tác quản lý thị trường, chống các hiện tượng buôn hàng lậu, hàng giả, lừa đảo trong kinh doanh, vi phạm bản quyền và gian lận thương mại..., đảm bảo cạnh tranh lành mạnh, nhằm tạo môi trường thuận lợi cho doanh nghiệp theo các cam kết quốc tế.

6.2. Sở Tài chính:

- Triển khai các nhiệm vụ, giải pháp trợ giúp, phát triển doanh nghiệp.
- Tổ chức các lớp tập huấn, cập nhật về Luật và các văn bản pháp luật có liên quan nhằm nâng cao ý thức, trình độ hiểu biết về pháp luật, hướng doanh nghiệp thực hiện đúng các quy định của pháp luật nhà nước trong quá trình hoạt động kinh doanh, sản xuất.
- Tăng cường hỗ trợ doanh nghiệp một cách có hiệu quả trong hoạt động xúc tiến thương mại, du lịch và đầu tư; hỗ trợ cung cấp thông tin, tư vấn miễn phí các thủ tục, chính sách ưu đãi đầu tư ...; tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, nhà đầu tư dễ dàng tiếp cận, tìm kiếm dịch vụ hỗ trợ; cung cấp các đường dây nóng hỗ trợ doanh nghiệp, tiếp nhận thông tin từ doanh nghiệp và người dân.

6.3. Sở Tư pháp: Tăng cường hỗ trợ, tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp.

6.4. Sở Khoa học và Công nghệ: Khuyến khích doanh nghiệp áp dụng công nghệ trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Đẩy mạnh các hoạt động dịch vụ khoa học và công nghệ: tư vấn chuyên gia công nghệ, kiểm định, hiệu chuẩn các phương tiện đo, thử nghiệm chất lượng sản phẩm hàng hóa một cách nhanh chóng, thuận lợi cho doanh nghiệp, cá nhân trên địa bàn có nhu cầu.

6.5. Sở Giáo dục và Đào tạo: Thực hiện có hiệu quả công tác đào tạo các ngành nghề đáp ứng nhu cầu doanh nghiệp.

6.6. Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh: Xây dựng chương trình trợ giúp, hỗ trợ doanh nghiệp tỉnh giai đoạn 2025 - 2030.

6.7. Sở Tài chính: Khuyến khích các doanh nghiệp trong và ngoài nước đầu tư vào cơ sở dạy nghề, đặc biệt là những doanh nghiệp đã có nhiều kinh nghiệm trong đào tạo và cung cấp nguồn nhân lực. Sửa đổi, bổ sung chính sách khuyến khích và ưu đãi đầu tư phát triển các cơ sở ngoài công lập trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, y tế, văn hóa, thể dục thể thao, khoa học - công nghệ và môi trường.

6.8. *Sở Giáo dục và Đào tạo;*

- Xây dựng được mối quan hệ chặt chẽ giữa cơ sở đào tạo với các doanh nghiệp để nâng cao chất lượng, hiệu quả nguồn nhân lực, tiết kiệm chi phí đào tạo, chi phí tuyển dụng của doanh nghiệp. Nâng cao chất lượng đào tạo nghề, đáp ứng nhu cầu doanh nghiệp; khuyến khích các doanh nghiệp phát triển cơ sở giáo dục nghề nghiệp để đào tạo đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp và thị trường lao động.

- Rà soát, đánh giá cơ sở vật chất, trang thiết bị, năng lực đội ngũ giáo viên thuộc mạng lưới đào tạo nghề. Tham mưu cho UBND tỉnh quy hoạch hệ thống cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Ban hành chính sách hỗ trợ doanh nghiệp và các cơ sở giáo dục trong đào tạo nghề và giải quyết việc làm.

- Phối hợp với các trường nghề trong và ngoài tỉnh để đào tạo, cung ứng lao động kỹ thuật, lao động có tay nghề cao phù hợp với nhu cầu của các doanh nghiệp trên địa tỉnh.

6.9. *UBND các xã, phường:* Thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước và nâng cao chất lượng giáo dục phổ thông trên địa bàn.

6.10. *Sở Nội vụ:* Vận hành hiệu quả hệ thống thông tin thị trường lao động; nâng cao hiệu quả hoạt động của Trung tâm dịch vụ việc làm tỉnh, Sàn giao dịch việc làm tỉnh. Xây dựng và vận hành hiệu quả hệ thống thông tin thị trường lao động.

6.11. *Mặt trận tổ quốc tỉnh Phú Thọ:* Đẩy mạnh thành lập công đoàn, tổ hòa giải tại các doanh nghiệp, nâng cao vai trò của tổ chức công đoàn thường xuyên trao đổi với cấp quản lý, chủ doanh nghiệp về các vấn đề phát sinh, giải quyết kịp thời các vấn đề liên quan đến tranh chấp lao động trong doanh nghiệp. Thực hiện việc rà soát, đánh giá hoặc giám sát việc tuân thủ trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp.

7. **Chỉ số thành phần 7: Thiết chế pháp lý**

Mục tiêu: Đánh giá hiệu quả, sự công bằng và đáng tin cậy của hệ thống tòa án và các cơ quan tư pháp trong việc bảo vệ doanh nghiệp

7.1. *Tòa án nhân dân tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh:*

- Tăng cường công tác kiểm tra, đôn đốc để đẩy nhanh tiến độ giải quyết những vụ án kinh doanh thương mại đúng pháp luật, công bằng, tạo niềm tin cho doanh nghiệp. Nghiên cứu giảm tối thiểu thời gian giải quyết các vụ kiện tại tòa, đặc biệt là trong giải quyết tranh chấp của doanh nghiệp như: tranh chấp kinh tế, hợp đồng, phá sản...

- Thực hiện tốt kế hoạch đổi mới, nâng cao chất lượng trong hoạt động xét xử, thi hành án nhất là trong lĩnh vực kinh tế, hành chính nhằm nâng cao mức độ tin tưởng, sự tin cậy của cộng đồng doanh nghiệp, người dân đối với hoạt động của các cấp Tòa án.

7.2. *Thanh tra tỉnh*: Tạo điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp thực hiện quyền tố cáo, khiếu nại các hành vi tham nhũng, sách nhiễu, thiếu trách nhiệm trong giải quyết công việc, gây khó khăn, thiệt hại cho doanh nghiệp.

7.3. *Sở Tư pháp*:

- Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng đối với công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, công tác hòa giải cơ sở nhằm nâng cao nhận thức và ý thức chấp hành pháp luật của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, các doanh nghiệp và các tầng lớp nhân dân. Đây là việc làm thường xuyên, liên tục của cả hệ thống chính trị. Bên cạnh đó, hoàn thiện và củng cố tổ chức, nâng cao hiệu quả công tác pháp chế của các sở, ngành trên địa bàn tỉnh trong việc xây dựng các dự thảo văn bản pháp quy, chủ động rà soát hệ thống thể chế và trực tiếp làm công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật phù hợp trong từng ngành, từng lĩnh vực.

- Nâng cao năng lực và phẩm chất đạo đức của cán bộ, công chức trong ngành Tư pháp, nhất là nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp, chất lượng hoạt động xét xử các loại vụ án, đẩy nhanh tiến độ thi hành án dân sự, giải quyết các vụ tranh chấp về kinh tế theo đúng quy định pháp luật, rút ngắn thời gian so với quy định để doanh nghiệp tin tưởng vào sự bảo vệ của pháp luật, qua đó doanh nghiệp tăng cường lựa chọn tòa án và trọng tài để giải quyết các tranh chấp về kinh tế.

- Có cơ chế giám sát và kiểm tra định kỳ để bảo đảm mọi phản ánh, khiếu kiện đều được ghi nhận và trả lời cho doanh nghiệp; xã hội hóa một phần các dịch vụ hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp. Khuyến khích mở các văn phòng luật sư và tăng cường dịch vụ hỗ trợ pháp lý cho các doanh nghiệp.

7.4. *Cục Thi hành án dân sự tỉnh*: Phối hợp các đơn vị có liên quan đẩy nhanh công tác giải quyết hồ sơ thi hành án có đủ điều kiện thi hành và tập trung giải quyết dứt điểm các vụ việc khiếu nại tố cáo, phức tạp, kéo dài.

7.5. *Công an tỉnh*: Tăng cường đảm bảo tình hình an ninh trật tự, tăng cường bảo vệ tài sản của doanh nghiệp trên địa bàn.

C. Trụ cột III: Động lực tăng trưởng bền vững và vai trò của chính quyền

8. Chỉ số thành phần 8: Động lực tăng trưởng bền vững và đổi mới sáng tạo

Mục tiêu: Đánh giá cam kết và hành động chính quyền trong việc thúc đẩy doanh nghiệp tư nhân hành động để hiện thực hóa mục tiêu tăng trưởng bền vững và phát triển công nghệ, thúc đẩy đổi mới và liên kết của doanh nghiệp tư nhân.

8.1. *Sở Nông nghiệp và Môi trường*:

- Hướng dẫn doanh nghiệp và xây dựng cơ chế khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng các biện pháp giảm thiểu tác động môi trường (tiết kiệm năng lượng, xử lý chất thải, sử dụng năng lượng tái tạo...);

- Rà soát các khu vực có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, đề xuất phương án xử lý nhằm đảm bảo hạ tầng môi trường của tỉnh đạt tiêu chuẩn nhất định.

- Đôn đốc các doanh nghiệp đầu tư kết cấu hạ tầng các khu công nghiệp, cụm công nghiệp xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung đảm bảo theo ĐTM đã được phê duyệt.

- Hướng dẫn, khuyến khích các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh áp dụng mô hình sản xuất xanh, mô hình kinh tế tuần hoàn, chứng nhận ESG, ISO 45001, ISO 14001...

- Triển khai hệ thống đánh giá, xếp hạng doanh nghiệp xanh trên địa bàn tỉnh; đề xuất cơ chế hỗ trợ về đất đai, hạ tầng hoặc thủ tục hành chính đối với dự án công nghệ cao, thân thiện môi trường.

8.2. Sở Khoa học và Công nghệ:

- Xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số, ứng dụng khoa học và công nghệ trong hoạt động sản xuất kinh doanh; tạo điều kiện phát triển mạnh doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp công nghiệp số.

- Tập trung phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo của tỉnh, xây dựng và vận hành Trung tâm đổi mới sáng tạo, hỗ trợ nghiên cứu, đổi mới, chuyển giao và thương mại hóa công nghệ; khuyến khích doanh nghiệp thành lập viện nghiên cứu, trung tâm R&D theo tinh thần của Nghị quyết số 57.

- Hướng dẫn hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng công nghệ tiết kiệm năng lượng, xử lý môi trường, năng lượng sạch; xây dựng bộ tiêu chí truy xuất nguồn gốc và tiêu chuẩn hóa chất lượng sản phẩm đáp ứng yêu cầu thị trường.”

8.3. Sở Tài chính:

Hàng năm bố trí ít nhất 3% tổng chi ngân sách cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số theo tinh thần của Nghị quyết số 57 để khuyến khích phát triển khoa học công nghệ trong khu vực kinh tế tư nhân.

9. Chỉ số thành phần 9: Quy mô, hiệu quả và đóng góp của kinh tế tư nhân

Mục tiêu: Đo lường sự phát triển về chất, quy mô và vai trò của khu vực kinh tế tư nhân trong nền kinh tế địa phương

9.1. Sở Tài chính:

- Tạo điều kiện, hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp thành lập và hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn.

- Tập trung xây dựng cơ chế chính sách tạo động lực cho kinh tế tư nhân phát triển theo tinh thần của Nghị quyết số 68.

- Khuyến khích các doanh nghiệp tư nhân có hoạt động sản xuất kinh doanh, tạo việc làm cho lao động tại địa phương, động viên doanh nghiệp mở rộng sản xuất kinh doanh khi hoạt động ổn định và phát triển.

- Thường xuyên tổ chức gặp mặt doanh nghiệp để tháo gỡ khó khăn thường xuyên, định kỳ đối với các hoạt động của khối kinh tế tư nhân.

9.2. Thuế tỉnh Phú Thọ:

- Hỗ trợ, hướng dẫn doanh nghiệp các thủ tục liên quan đến các quy định về áp dụng các sắc thuế và các hướng dẫn theo quy định hiện hành của ngành thuế nhằm tạo điều kiện thuận lợi nhất cho doanh nghiệp trong việc kê khai thực hiện nghĩa vụ đối với nhà nước

9.3. *Ngân hàng nhà nước chi nhánh khu vực IV*: Chỉ đạo hệ thống các tổ chức tín dụng trên địa bàn tạo điều kiện thuận lợi cho khối kinh tế tư nhân được tiếp cận với các nguồn tín dụng ưu đãi nhằm có nguồn vốn để đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh.

10. Chỉ số thành phần 10. Sự năng động và vai trò kiến tạo của chính quyền tỉnh

Mục tiêu: Đánh giá khả năng thích ứng, tư duy kiến tạo và cam kết chính trị của lãnh đạo tỉnh trong việc dẫn dắt công cuộc cải cách.

10.1. Các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường:

- Thực sự lắng nghe ý kiến của công dân và doanh nghiệp, xem đây là kênh phản biện về công tác chỉ đạo, điều hành của tỉnh. Trong quá trình chỉ đạo, điều hành cần vận dụng linh hoạt, sáng tạo chính sách của Trung ương, chú trọng phát triển khu vực kinh tế tư nhân; đảm bảo hài hòa lợi ích giữa Nhà nước và doanh nghiệp, doanh nghiệp và người dân. Thực hiện nghiêm túc thời gian giải quyết công việc đã được quy định và theo hướng giải quyết nhanh nhất có thể.

- Thường xuyên tổ chức gặp gỡ đối thoại với doanh nghiệp, tăng cường đối thoại chuyên đề, đa dạng thêm các kênh nắm bắt thông tin từ doanh nghiệp như tổ chức đối thoại trực tuyến, chủ động tổ chức các đoàn khảo sát trực tiếp tại doanh nghiệp, khảo sát trực tuyến, xây dựng và duy trì gặp gỡ định kỳ giữa lãnh đạo UBND tỉnh và doanh nghiệp. Đồng thời đề nghị có cơ chế giám sát theo dõi đánh giá trách nhiệm, tiến độ của các ngành, các địa phương trong việc giải quyết các khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp. Chủ động đổi mới đối thoại doanh nghiệp bằng nhiều hình thức phong phú, khai thác, ứng dụng công nghệ trong đối thoại, phân đầu sử dụng đối thoại trực tuyến để giải đáp khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp.

- Đổi mới toàn diện, tạo sự chuyển biến căn bản về chất lượng bộ máy hành chính. Tiếp tục nâng cao nhận thức, trách nhiệm, sự năng động trong chỉ đạo, điều hành, sự sáng tạo và tiên phong của lãnh đạo các cấp chính quyền và đội ngũ cán bộ, công chức trong việc hỗ trợ doanh nghiệp; đảm chịu trách nhiệm với những việc làm mà mình đề xuất hay quyết định. Đề cao trách nhiệm người đứng đầu các cơ quan quản lý nhà nước trong việc tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp.

- Thường xuyên bồi dưỡng, đào tạo cán bộ, công chức nắm vững các chính sách, quy định hiện hành trong khuôn khổ pháp luật để giải quyết khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp kịp thời, hiệu quả.

- Các cơ quan, đơn vị nâng cao nhận thức cho cán bộ, công chức các cấp, các ngành về vai trò, ý nghĩa và vai trò của việc cải thiện môi trường đầu tư và kinh doanh của tỉnh và xác định đây là nhiệm vụ trọng tâm trong chỉ đạo điều hành.

- Chú trọng giải quyết triệt để các kiến nghị, đặc biệt là các kiến nghị còn tồn đọng từ nhiều năm trước.

10.2. Sở Nội vụ: Xây dựng đề án tổng thể kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp giai đoạn 2025- 2030, trong đó quy định về chế độ trách nhiệm và mức độ hoàn thành nhiệm vụ đối với người đứng đầu cơ quan, đơn vị.

10.3. Văn phòng UBND tỉnh: Nghiên cứu, đề xuất thành lập Tổ công tác đặc biệt của Chủ tịch UBND tỉnh về tháo gỡ khó khăn, vướng mắc và thúc đẩy dự án đầu tư gồm các cán bộ chuyên môn của một số sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành, thị nhằm giảm bớt thời gian tham vấn ý kiến chuyên ngành giữa các cơ quan. Từ đó, đảm bảo thời gian xử lý hồ sơ theo quy định của Luật Đầu tư và các văn bản pháp luật có liên quan, nâng cao chất lượng của môi trường đầu tư, kinh doanh của tỉnh.

10.4. Các Hiệp hội doanh nghiệp, doanh nhân trên địa bàn tỉnh: Thực hiện tốt công tác phát triển thành viên, hội viên, phát huy vai trò là tiếng nói của doanh nghiệp và cầu nối giữa các doanh nghiệp với các cơ quan quản lý nhà nước. Tổng hợp các khó khăn, vướng mắc, kiến nghị của doanh nghiệp thành viên trong Hội, Hiệp hội định kỳ hàng quý gửi Sở Tài chính tổng hợp. Nắm bắt những ý tưởng, sáng kiến từ doanh nghiệp để đề xuất các giải pháp cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh cho tỉnh.

Phần thứ ba

MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU NÂNG CAO NĂNG LỰC CẠNH TRANH CẤP TỈNH GIAI ĐOẠN 2025 - 2030

Tại Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Phú Thọ lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030 số 01-NQ/ĐH ngày 31/10/2025 đã xác định: ***“Đến năm 2030, Phú Thọ là một trong những cực tăng trưởng của vùng Thủ đô; trở thành trung tâm phát triển công nghiệp, thương mại, logistics, du lịch, y tế, đào tạo chất lượng cao và tổ chức lễ hội văn hóa lớn gắn với cội nguồn dân tộc; trung tâm tổ chức các sự kiện quốc gia, quốc tế. Kinh tế có tốc độ tăng trưởng cao, lấy khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, kinh tế tư nhân làm động lực chính....”*** Chính vì vậy, việc huy động nguồn lực cho đầu tư phát triển, nhất là nguồn lực đầu tư ngoài ngân sách Nhà nước giai đoạn 2025 - 2030 là rất quan trọng. Do đó, cần phải xác định cụ thể các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu để tập trung cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh của tỉnh Phú Thọ tạo điều kiện cho các nhà đầu tư, doanh nghiệp có động lực và niềm tin khi đến Phú Thọ tạo dựng và tổ chức sản xuất kinh doanh, đóng góp cho sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Phú Thọ.

I. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ:

1. Mục tiêu chung:

- Xác định việc cải thiện môi trường đầu tư nâng cao năng lực cạnh tranh là nhiệm vụ hàng đầu; lấy sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp là mục tiêu hoạt động của các cấp, các ngành; là nhiệm vụ thường xuyên, liên tục trong hệ thống cơ quan quản lý nhà nước từ cấp tỉnh đến cấp xã, phường, đảm bảo sự lãnh đạo, chỉ đạo đồng bộ, nhất quán, tạo thuận lợi, giảm chi phí cho tổ chức, cá nhân, tăng sức hấp dẫn của môi trường đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh Phú Thọ.

- Tạo dựng môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, bình đẳng, thông thoáng, minh bạch, thân thiện để thu hút đầu tư, tạo điều kiện thuận lợi cho các thành phần kinh tế phát triển. Tập trung phát triển công nghiệp và một số lĩnh vực dịch vụ, du lịch, tạo động lực, bước đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Xây dựng Phú Thọ là tỉnh phát triển hàng đầu cả nước.

2. Mục tiêu cụ thể:

Năm 2026 nằm trong Top 15/34 tỉnh, thành có chất lượng điều hành tốt nhất và từ năm 2027 nằm trong Top 10/34 tỉnh, thành có chất lượng điều hành tốt nhất.

3. Nhiệm vụ chung:

- Tiếp tục nâng cao nhận thức, trách nhiệm và sự năng động, sáng tạo của lãnh đạo các cấp chính quyền và đội ngũ cán bộ, công chức trong việc hỗ trợ doanh nghiệp, nhất là khu vực doanh nghiệp ngoài quốc doanh. Xây dựng nền chính quyền minh bạch, cán bộ công chức tận tâm, trách nhiệm với khát vọng đổi mới, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm theo tinh thần “đổi mới - sáng tạo - minh bạch - công tâm - đồng hành cùng doanh nghiệp”.

- Tập trung đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính nhằm giảm tối đa chi phí thời gian của doanh nghiệp. Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin nhằm giảm tối đa chi phí thời gian của người dân, doanh nghiệp. Tăng cường cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 và thanh toán không dùng tiền mặt; khẩn trương thực hiện tích hợp thêm nhiều dịch vụ công trực tuyến trên Cổng dịch vụ công Quốc gia. Đội ngũ cán bộ, công chức phải thay đổi mạnh mẽ về thái độ, trách nhiệm, tác phong thực hiện công vụ; giao tiếp với người dân và doanh nghiệp trên tinh thần “hỗ trợ - lắng nghe - thấu hiểu - thân thiện - nhiệt tình”.

- Huy động nguồn lực để tạo bước đột phá về đầu tư kết cấu hạ tầng trọng điểm, phát triển công nghiệp và dịch vụ đáp ứng cho nhu cầu của các nhà đầu tư;

- Đẩy mạnh việc công khai, minh bạch hóa thông tin cho doanh nghiệp, tuyên truyền rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng về các quy hoạch, kế hoạch đầu tư, các dự án công trình trọng điểm, định hướng các ngành sản xuất kinh doanh dựa trên những thế mạnh của tỉnh.

- Tạo chuyển biến mạnh mẽ trong giải quyết vấn đề mặt bằng sản xuất kinh doanh cho doanh nghiệp (nhất là khâu đền bù, hỗ trợ tái định cư giao mặt bằng sạch cho nhà đầu tư trong thời gian sớm nhất);

- Nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu sử dụng lao động và đa dạng hóa các dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp, nhất là đối với khu vực dân doanh.

II. GIẢI PHÁP CHỦ YẾU:

1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy Đảng, Chính quyền địa phương 2 cấp; Nâng cao tính năng động, tiên phong, quyết tâm và nhận thức, của lãnh đạo cấp ủy, chính quyền và đội ngũ cán bộ, công chức trong thực hiện nhiệm vụ.

Các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương và lãnh đạo các cơ quan, đơn vị, nhất là người đứng đầu phát huy vai trò tiên phong, năng động, gương mẫu thực hiện đúng chức trách nhiệm vụ được giao; đề cao trách nhiệm, sự quyết đoán, sáng tạo, chủ động phối hợp trong hỗ trợ, giải quyết khó khăn, kiến nghị và đồng hành cùng doanh nghiệp, tạo niềm tin của cộng đồng doanh nghiệp.

Rà soát, sửa đổi quy định về phân cấp, phân quyền gắn với trách nhiệm của chính quyền địa phương, người đứng đầu các sở ngành, địa phương, người đứng đầu các sở ngành; bố trí cán bộ có trách nhiệm, có tâm huyết, kỹ năng, trình độ chuyên môn để đáp ứng yêu cầu, tiến độ công việc phù hợp với tình hình mới. Nghiên cứu điều chuyển vị trí đối với cán bộ lãnh đạo, cán bộ chuyên môn năng lực yếu, trì trệ; Kịp thời xử lý và công khai các trường hợp gây phiền hà trong thực thi công vụ.

Xây dựng cơ chế kiểm tra, giám sát quan hệ công tác giữa cơ quan, công chức, viên chức với các tổ chức, cá nhân, nhà đầu tư và doanh nghiệp.

2. Đẩy mạnh cải cách hành chính gắn công khai, minh bạch hoá thông tin cho doanh nghiệp.

Đẩy mạnh công tác cải cách hành chính, trọng tâm là rà soát, ban hành quy trình, thủ tục rõ ràng, minh bạch; giảm tối đa thủ tục, thời gian, chi phí thực hiện thủ tục hành chính. Triển khai có hiệu quả công tác kiểm soát thủ tục hành chính, công khai thủ tục hành chính, các quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực, cơ chế, chính sách có liên quan.

Tăng cường phối hợp giữa các cơ quan nhà nước, đồng hành, hỗ trợ nhà đầu tư, doanh nghiệp về các thủ tục trong lĩnh vực đầu tư, đất đai, xây dựng, môi trường, PCCC...

3. Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý Nhà nước.

- Tăng cường vai trò của khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong cải thiện môi trường đầu tư.

- Hỗ trợ bảo hộ sáng chế, đăng ký quốc tế, phát triển thương hiệu tỉnh; phát triển hệ thống dữ liệu sở hữu trí tuệ và khai thác tài sản khoa học công nghệ phục vụ đầu tư; hỗ trợ chuyển đổi số doanh nghiệp, đặc biệt là hỗ trợ nền tảng số cho

doanh nghiệp nhỏ và vừa (quản trị, kế toán, hóa đơn điện tử, chuỗi cung ứng, thương mại điện tử).

- Đẩy mạnh chuyển đổi số, hiện đại hóa hành chính, ứng dụng rộng rãi công nghệ thông tin trong các hoạt động quản lý, điều hành, giải quyết công việc của cơ quan nhà nước.

- Tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan nhà nước, đồng hành, hỗ trợ nhà đầu tư, doanh nghiệp các thủ tục về đầu tư, đất đai, xây dựng, PCCC... ứng dụng công nghệ thông tin để chuẩn số dữ liệu về thông tin của doanh nghiệp, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, các khó khăn vướng mắc để kịp thời giải quyết, khuyến khích được giải quyết trên môi trường mạng để thông tin đến với doanh nghiệp được dễ dàng, thuận lợi và nhanh chóng hơn.”

4. Nâng cao chất lượng và khả năng cung cấp dịch vụ cho doanh nghiệp

- Khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia vào các chuỗi cung cấp dịch vụ thiết yếu cho doanh nghiệp (điện, nước, viễn thông...) nhằm tạo điều kiện về dịch vụ thiết yếu phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

- Tập trung đầu tư hạ tầng thiết yếu: đường giao thông, hạ tầng công nghiệp, logistics,... phục vụ cho hoạt động của doanh nghiệp.

- Tập trung thu hút các dự án đầu tư hạ tầng các KCN, CCN để tạo quỹ đất sạch cho các nhà đầu tư thứ cấp, nhất là các chuỗi sản xuất phụ trợ cho các doanh nghiệp lớn.

5. Hoàn thiện thể chế, cơ chế chính sách thu hút đầu tư của tỉnh.

- Rà soát các chính sách, cơ chế thu hút đầu tư, ban hành các chính sách khuyến khích thu hút đầu tư phù hợp với điều kiện của tỉnh và các quy định của pháp luật (như: đất đai, bồi thường giải phóng mặt bằng, thu hút đầu tư theo hình thức PPP, các chính sách về tiếp cận tín dụng, hỗ trợ chuyển giao công nghệ, khuyến khích khởi sự kinh doanh và hoạt động đổi mới sáng tạo...)

- Đổi mới phương thức xúc tiến đầu tư bằng nhiều hình thức đa dạng với đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin để triển khai thực hiện như: Xúc tiến đầu tư trực tuyến, qua website...

- Thành lập Ban vận động xúc tiến đầu tư của tỉnh. Chú trọng công tác quảng bá, xúc tiến đầu tư trực tiếp, xây dựng cơ sở dữ liệu lớn; lựa chọn ban hành danh mục các dự án, ngành nghề, lĩnh vực thu hút đầu tư, điều kiện, địa bàn thu hút đầu tư trong giai đoạn 2025-20230.

- Ban hành Đề án thu hút nhà đầu tư chiến lược để xác định trọng tâm vận động, mời gọi, xúc tiến và làm việc có trọng tâm, trọng điểm đối với các nhà đầu tư quan tâm.

6. Chú trọng đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu sử dụng lao động của các doanh nghiệp

Tập trung các giải pháp nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, trọng tâm là đào tạo, bồi dưỡng, chuẩn hóa về trình độ, kỹ năng đội ngũ công nhân lành nghề

có tác phong công nghiệp. Rà soát, sắp xếp hoạt động các cơ sở dạy nghề, trung tâm giới thiệu việc làm trên địa bàn; triển khai kế hoạch liên kết đào tạo thông qua cơ chế hợp tác, liên kết với các cơ sở đào tạo, các doanh nghiệp để thực hiện việc đào tạo nghề, nhân lực gắn với các ngành theo định hướng đầu tư của tỉnh, đảm bảo chuẩn đầu ra và nhu cầu thị trường.

Chú trọng phát huy lợi thế, thu hút nguồn nhân lực của tỉnh, người lao động ngoại tỉnh đang làm việc ngoài tỉnh hoặc sau khi tốt nghiệp các trường đại học, cao đẳng về tỉnh làm việc; tận dụng lợi thế để thu hút nguồn lao động phổ thông các tỉnh lân cận đáp ứng nhu cầu sử dụng lao động của nhiều ngành công nghiệp phụ trợ; có cơ chế chính sách thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao (đội ngũ kỹ sư, bậc thợ tay nghề) các tỉnh vùng thủ đô để đáp ứng nhu cầu phát triển các ngành công nghiệp mới, công nghệ cao.

7. Huy động nguồn lực đầu tư hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội trọng điểm

Chỉ đạo thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn 2025 - 2030, tranh thủ nguồn lực hỗ trợ từ Trung ương, bảo đảm cân đối nguồn lực, tiến độ và chất lượng, hiệu quả công trình. Tăng cường bố trí nguồn lực từ ngân sách tỉnh cho Quỹ phát triển đất để Nhà nước bồi thường, giải phóng mặt bằng, tạo quỹ đất sạch thu hút đầu tư. “ Vận dụng sáng tạo các hình thức đầu tư để huy động đa dạng nguồn lực xã hội cho phát triển kết cấu hạ tầng từng bước đồng bộ, hiện đại, trong đó: (i) Chú trọng phát triển các dự án giao thông trọng điểm, các tuyến đường giao thông kết nối khu công nghiệp, vùng nguyên liệu, các khu du lịch như: Dự án đầu tư xây dựng Tuyến đường kết nối Việt Trì - Hoà Bình kết nối cao tốc Nội Bài - Lào Cai và cap tốc Hoà Bình - Sơn La; các tuyến đường vành đai, nút giao lên xuống IC2, IC5 kết nối cao tốc Nội Bài - Lào Cai với Thủ đô Hà Nội; Dự án đường Hoà Lạc - Hoà Bình; kiến nghị, đề xuất Trung ương tiếp tục quan tâm đầu tư để thông các tuyến đường bộ cao tốc qua địa bàn tỉnh Phú Thọ (cao tốc Bắc Nam phía Tây đoạn Phú Thọ - Chợ Bến, cao tốc Hà Nội - Sơn La đoạn Km0-Km19 và giai đoạn 2 dự án Hoà Bình Mộc Châu); hoàn thành tuyến đường sắt tốc độ cao Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng; (ii) Tập trung chỉ đạo triển khai các thủ tục đầu tư nhất là các dự án đầu tư kết cấu hạ tầng các KCN, CCN tạo quỹ đất sạch thu hút các nhà đầu tư thứ cấp; (iii) Tập trung triển khai nhanh các dự án khu đô thị, du lịch sinh thái nghỉ dưỡng đã có chủ trương tại các địa phương; dự án Trung tâm logistics; đẩy nhanh tiến độ các dự án khu đô thị, khu dân cư nông thôn mới. Chú trọng việc đầu tư đồng bộ hạ tầng kỹ thuật, đảm bảo cung cấp điện, cấp nước và xử lý nước thải; các dự án tái định cư, tạo thuận lợi nhất cho người dân tái định cư khi triển khai thu hồi đất; quan tâm đầu tư các dự án nhà ở xã hội, các thiết chế văn hóa, dịch vụ cần thiết tại các khu công nghiệp.

8. Tăng cường và nâng cao hiệu lực hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực đầu tư, kinh doanh

Chú trọng phát triển kinh tế tư nhân theo tinh thần của Nghị quyết số 68, tạo điều kiện thuận lợi để kinh tế tư nhân, nhất là doanh nghiệp tư nhân thực sự trở thành một động lực quan trọng, tạo đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội

của tỉnh. Rà soát, đánh giá tình hình thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh để tháo gỡ khó khăn cho các dự án chậm tiến độ sớm đi vào hoạt động, đóng góp cho tăng trưởng kinh tế. Ưu tiên thu hút đầu tư vào các khu, cụm công nghiệp, lựa chọn các nhà đầu tư chiến lược vào các dự án động lực, có khả năng lan tỏa, liên kết với các doanh nghiệp trong nước theo chuỗi giá trị toàn cầu.

Rà soát các chính sách, cơ chế thu hút đầu tư; ban hành các chính sách khuyến khích thu hút đầu tư phù hợp với điều kiện của tỉnh và quy định của pháp luật (đất đai, bồi thường giải phóng mặt bằng, thu hút đầu tư theo hình thức PPP; chính sách tín dụng, hỗ trợ chuyển giao công nghệ, chính sách khuyến khích khởi sự kinh doanh và hoạt động đổi mới sáng tạo...).

Xây dựng và công khai danh mục các dự án ưu tiên thu hút đầu tư, các dự án động lực, các dự án lan tỏa để phát huy lợi thế cạnh tranh; danh mục dự án đầu tư theo hình thức đối tác công - tư (PPP) giai đoạn 2025 - 2030. Ban hành quy định tiêu chí, điều kiện; trình tự thủ tục, quy trình chấp thuận chủ trương đầu tư, giao đất, cho thuê đất. Xây dựng kế hoạch thu hồi, giải phóng mặt bằng đối với các dự án trọng điểm gắn trách nhiệm người đứng đầu các cơ quan, đơn vị.

Phần thứ tư **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

1. Căn cứ vào các nhiệm vụ, giải pháp trong Đề án này (giải pháp ngắn hạn, dài hạn kết hợp với các giải pháp cụ thể ở từng chỉ số đã nêu) và chức năng, phạm vi quản lý của mình; các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường xây dựng kế hoạch và thực hiện nhiệm vụ cụ thể của đơn vị mình. Thời gian thực hiện trong tháng 01/2026.

Đăng ký mức độ hoàn thành của từng nhiệm vụ, thời gian dự kiến hoàn thành và chỉ tiêu phân đầu đạt số điểm trong các chỉ số thành phần PCI, nhằm đạt mục tiêu chung của tỉnh theo từng giai đoạn theo mục tiêu đề ra.

2. Thành lập Ban chỉ đạo nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh tỉnh Phú Thọ do đồng chí Chủ tịch UBND tỉnh làm Trưởng ban; đồng chí Giám đốc Tài chính làm Phó ban thường trực và một số đồng chí lãnh đạo các sở có liên quan làm thành viên Ban chỉ đạo. Giao Sở Tài chính làm cơ quan thường trực và đề xuất thành lập Tổ giúp việc Ban chỉ đạo. Các sở, ngành, UBND các xã, phường định kỳ 6 tháng gửi báo cáo về Ban chỉ đạo tổng hợp báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh.

3. Hàng năm, Chủ tịch UBND tỉnh gặp mặt đối thoại với các doanh nghiệp ít nhất 02 lần/năm; UBND tỉnh sẽ ban hành mẫu câu hỏi và tổ chức lấy ý kiến của các doanh nghiệp. Trên cơ sở tổng hợp ý kiến của doanh nghiệp và theo đăng ký chỉ tiêu phân đầu của các sở, ngành và địa phương, UBND tỉnh xem đây là một trong các tiêu chí, đánh giá cán bộ và xét thi đua khen thưởng hàng năm.

Thủ trưởng các sở, ban, ngành, địa phương căn cứ mức độ hoàn thành nhiệm vụ, bổ sung vào tiêu chuẩn nhận xét, đánh giá, đề bạt, khen thưởng, kỷ luật cán bộ, công chức hàng năm.

4. Đề nghị Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh và các cộng đồng doanh nghiệp trên địa bàn tích cực hợp tác, tăng cường đối thoại với các cấp chính quyền, tạo cơ chế thông tin hiệu quả, góp phần cải thiện tích cực môi trường đầu tư và kinh doanh của tỉnh; xây dựng tỉnh Phú Thọ ngày càng phát triển.

Phần thứ năm

KẾT LUẬN

Cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh là thước đo chất lượng thực tế của điều hành kinh tế địa phương thông qua cảm nhận của doanh nghiệp đang hoạt động trên địa bàn tỉnh; không phải dựa vào các kế hoạch, chính sách hay dự định của tỉnh. Để cải thiện điểm số PCI hay về bản chất chính là cải thiện năng lực điều hành của các cấp chính quyền không phải dễ dàng thực hiện trong một thời gian ngắn mà điều quan trọng là thông qua PCI 2.0, có thể nhận ra (một cách tương đối) được những điểm mạnh, điểm yếu cũng như những cơ hội, thách thức sẽ gặp trong tương lai. Từ những đặc điểm này, các cấp, các ngành sẽ có những giải pháp theo lộ trình để từng bước khắc phục những điểm yếu, phát huy những điểm mạnh và xác định đây là công việc thường niên.

Chính vì vậy, Đề án cải thiện môi trường đầu tư nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh giai đoạn 2025 - 2030 được ban hành để làm cơ sở cho các cấp các ngành triển khai đạt hiệu quả nhằm hiện thực hóa Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Phú Thọ lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030 số 01-NQ/ĐH ngày 31/10/2025.